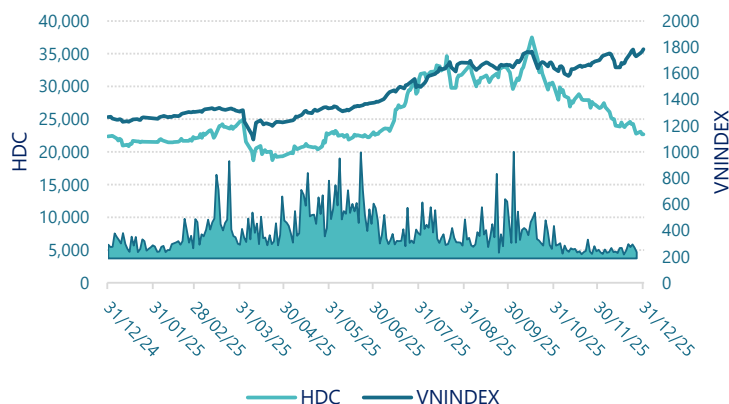


CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (HSX: HDC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	22,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	37,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,705
SL cổ phiếu LH	199,754,571
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,491,210
% sở hữu nước ngoài	1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,534
P/E	7.1
EPS	3,200

DT thuần

Q4/25

175

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 73.0 | 71.9%

YoY: ▲ 10.0 | 6.2%

LN sau thuế

Q4/25

30.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 508 | -94.3%

YoY: ▲ 30.1 | 3866%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

196%

+/- YoY: ▲ 169%

DT thuần

2025

456

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 90.0 | -16.4%

LN sau thuế

2025

641

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 574 | 859%

ROE

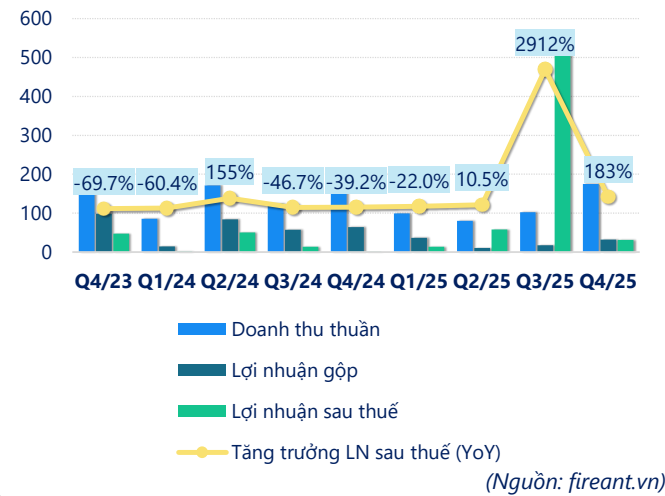
2025

24.5%

+/- YoY: ▲ 21.4%

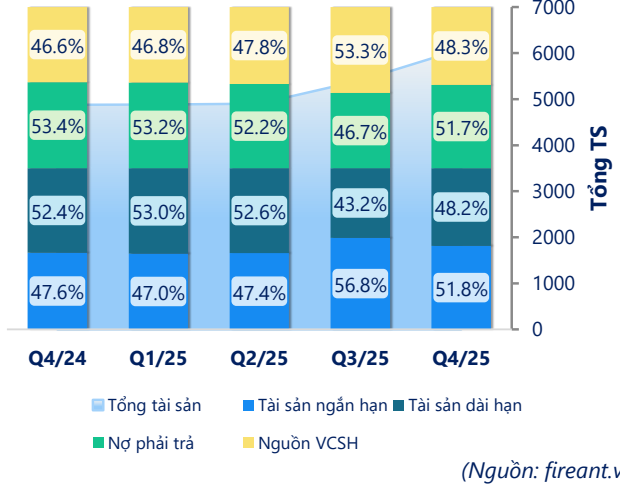
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

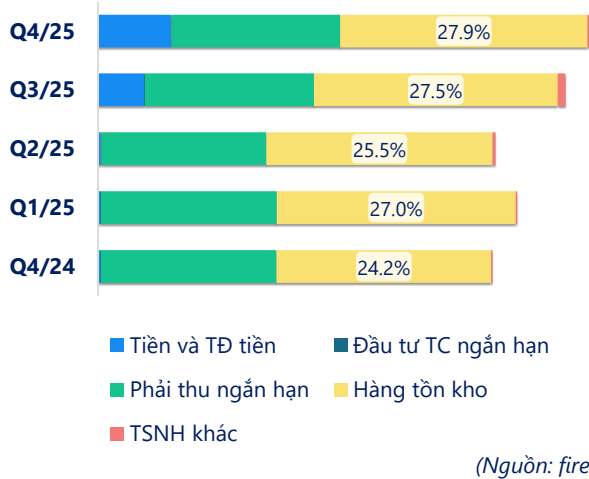


Cơ cấu Tổng tài sản

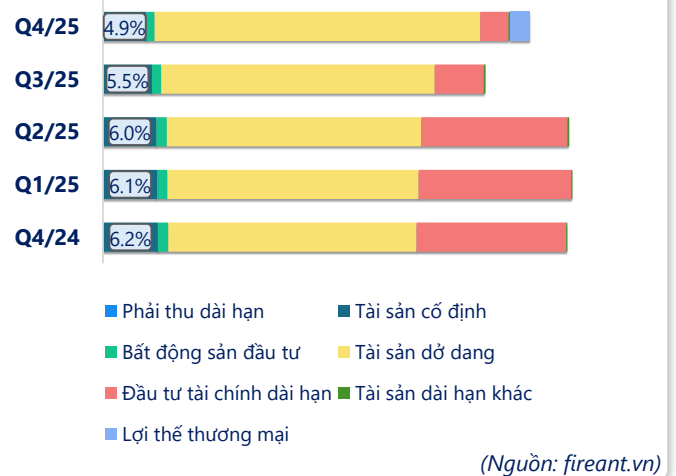
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

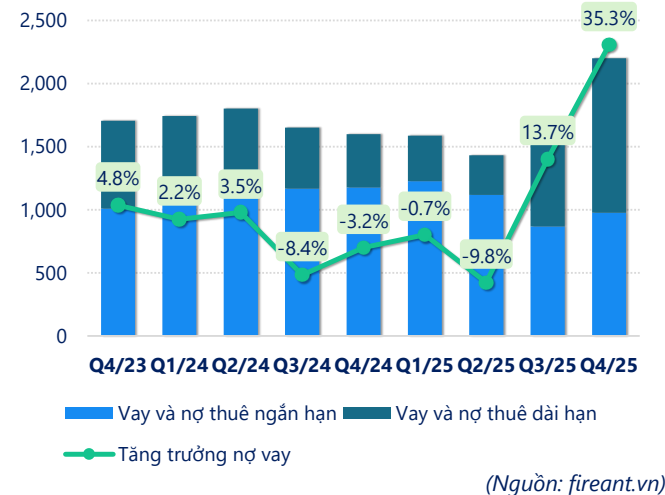


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



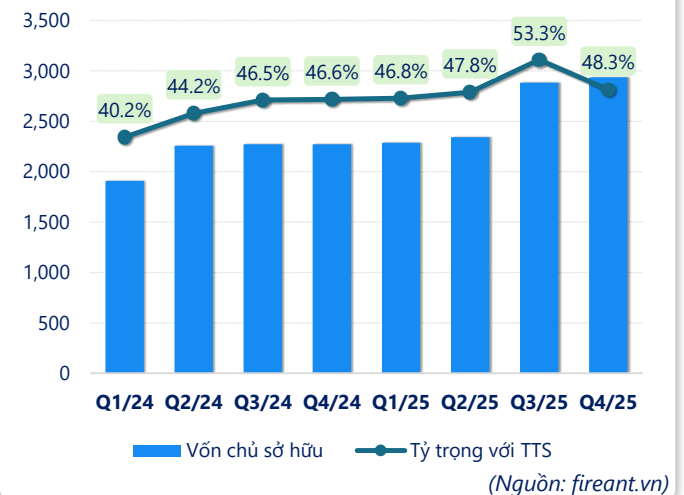
tỷ VNĐ

Nợ vay

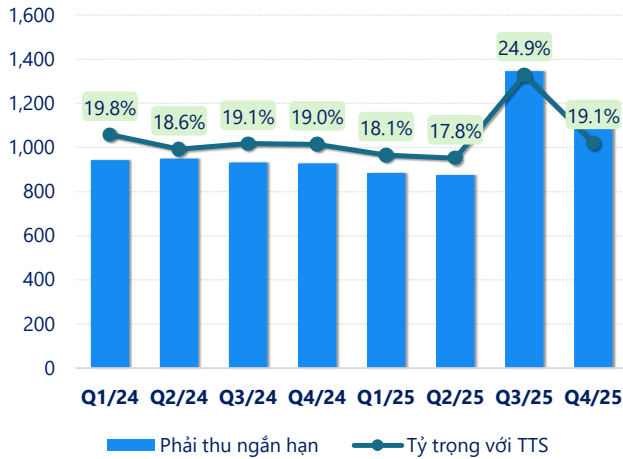


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

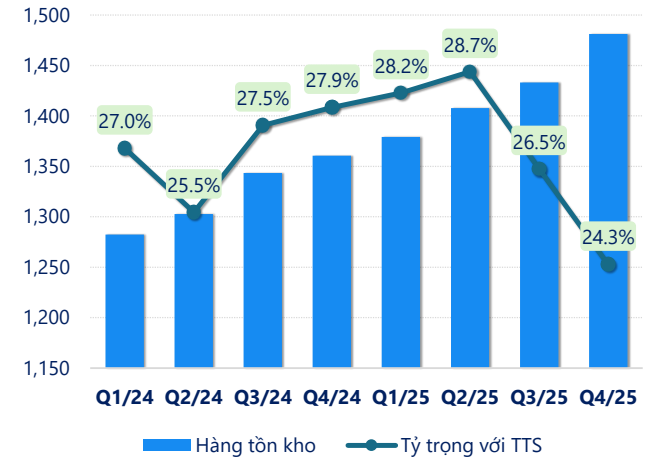


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


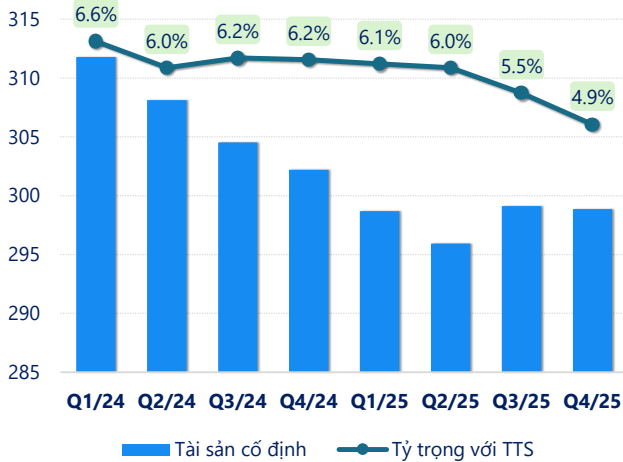
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


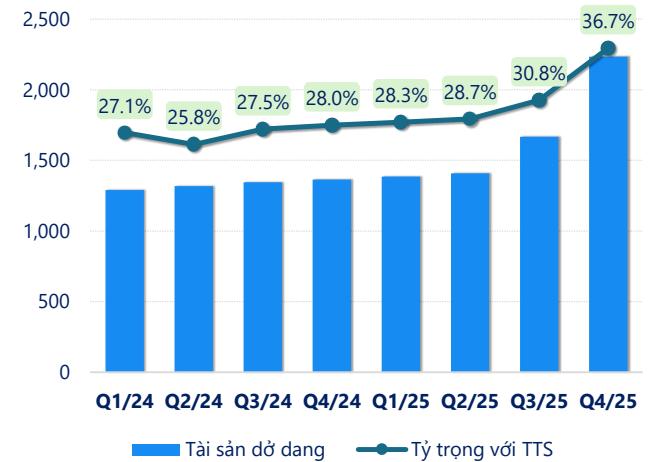
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

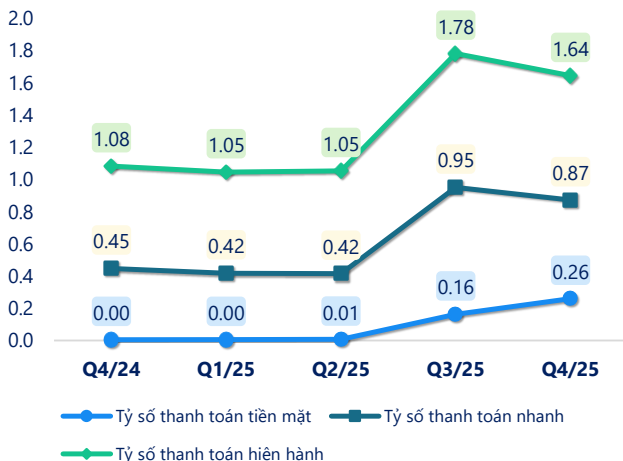
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

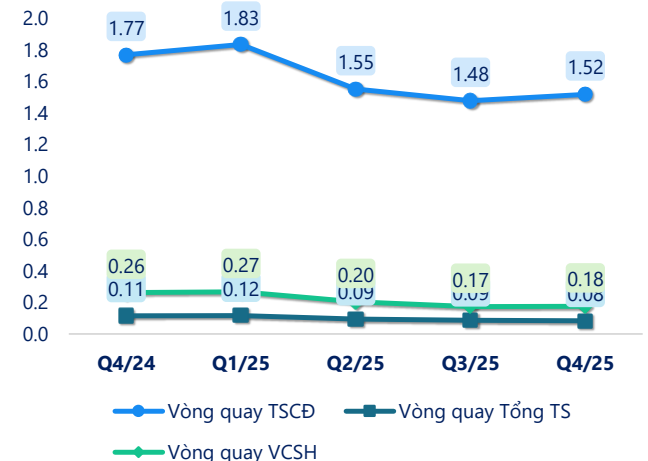
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	4,876	4,885	4,902	5,404	6,084
Tài sản ngắn hạn	2,321	2,298	2,324	3,071	3,154
Tiền và tương đương tiền	10.3	10.8	14.5	280	499
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.61	4.61	4.62	4.62	4.19
Phải thu ngắn hạn	928	885	874	1,346	1,165
Hàng tồn kho	1,361	1,379	1,408	1,433	1,481
Tài sản ngắn hạn khác	17.6	18.5	22.3	7.51	4.85
Tài sản dài hạn	2,555	2,587	2,579	2,333	2,930
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.26
Tài sản cố định	302	299	296	299	299
Bất động sản đầu tư	57.8	57.4	57.0	56.5	56.1
Tài sản dở dang	1,365	1,384	1,407	1,666	2,234
Đầu tư tài chính dài hạn	824	840	809	301	195
Tài sản dài hạn khác	6.79	6.52	9.37	9.97	11.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	135
Nợ phải trả	2,605	2,600	2,559	2,523	3,147
Nợ ngắn hạn	2,143	2,197	2,205	1,723	1,918
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,176	1,225	1,118	869	977
Phải trả người bán ngắn hạn	212	200	222	83.3	82.5
Nợ dài hạn	463	402	354	800	1,229
Vay và nợ thuê dài hạn	422	361	312	757	1,224
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,271	2,286	2,343	2,881	2,937
Vốn chủ sở hữu	2,271	2,286	2,343	2,881	2,937
Vốn điều lệ	1,784	1,784	1,784	1,784	1,998
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)